

Tội phạm hình sự về sở hữu công nghiệp

NGUYỄN TRIỀU HOA

Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, một bộ phận của quyền sở hữu trí tuệ là nội dung được ghi nhận tương đối sớm trong pháp luật Việt Nam. Từ những nguyên tắc chung được xác định trong Hiến pháp cho đến việc cụ thể hoá tinh thần này vào các lĩnh vực của hệ thống pháp luật Việt Nam như dân sự, kinh tế, hành chính, hình sự... đều cho thấy Nhà nước ta hết sức quan tâm đến việc xây dựng những quy chế pháp lý đảm bảo cho việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể nhằm khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong xã hội không ngừng sáng tạo và ứng dụng những kết quả sáng tạo trí tuệ của mình vào đời sống kinh tế góp phần làm giàu cho bản thân mình cũng như cho xã hội.

Cá nhân, tổ chức có những sáng tạo trí tuệ, thông qua hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, sẽ được cấp văn bằng bảo hộ cho sản phẩm trí tuệ khi họ đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà pháp luật quy định, ghi nhận rõ quyền và lợi ích mà nhà nước công nhận cho chủ thể được bảo hộ. Khi quyền và lợi ích của các chủ sở hữu bị xâm hại thì Nhà nước sẽ tiến hành bảo vệ. Việc bảo hộ của Nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp gồm hai mức độ. Mức độ thứ nhất là Nhà nước cho phép các chủ sở hữu có quyền yêu cầu người có hành vi xâm hại phải chấm dứt ngay hành vi xâm hại đồng thời phải hủy bỏ các sản phẩm đã sản xuất do sao chép, ăn cắp nhãn hiệu hàng hoá, gây hại cho người tiêu dùng và làm mất uy tín của các

chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp. Ở mức độ thứ hai, các chủ thể bị xâm hại có quyền yêu cầu Nhà nước bảo vệ, tất nhiên là thông qua những hoạt động của các cơ quan chức năng như cơ quan quản lý hoặc cơ quan tư pháp. Trong trường hợp này, Nhà nước có thể tiến hành các biện pháp cần thiết để ngăn chặn và xử lý, buộc những chủ thể có hành vi xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể được pháp luật bảo hộ trong lĩnh vực này phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại. Để đảm bảo cho việc bảo hộ, Nhà nước không chỉ tăng cường việc giáo dục ý thức pháp luật của mỗi cá nhân trong việc tôn trọng các quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể được bảo hộ mà còn buộc các cá nhân có hành vi xâm hại phải gánh chịu những hậu quả pháp lý hết sức nặng nề. Một trong các loại chế tài mà Nhà nước có thể sử dụng để bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp là chế tài hình sự.

Chế tài hình sự là biện pháp xử lý rất nghiêm khắc mà Nhà nước áp dụng cho các cá nhân có hành vi được xem là xâm hại các lợi ích hợp pháp được pháp luật hình sự bảo vệ. Với chủ thể có hành vi xâm hại quyền sở hữu công nghiệp gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý bằng những biện pháp khác như kỷ luật, hành chính mà vẫn tiếp tục vi phạm thì có khả năng bị xử lý bằng chế tài hình sự. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 có hai điều luật ghi nhận các chế tài hình sự trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, đó là Điều 170 và Điều 171.

Điều 170 quy định về tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Đây là tội phạm xâm hại đến chế độ quản lý của nhà nước về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh tế. Những hành vi xâm hại này diễn ra trong quá trình quản lý nhà nước, khi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các hoạt động nhằm cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Người bị truy tố và xét xử theo Điều 170 phải là người có chức vụ, quyền hạn trong việc cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Có trường hợp người không có chức vụ, quyền hạn nhưng cũng có thể bị truy tố về tội này với vai trò đồng phạm. Các chủ thể vi phạm tuy biết hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện những hành vi như: hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đã được nhà nước bảo hộ cấp cho chủ thể khác; hành vi người phạm tội cố ý cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp các mặt hàng có kiểu dáng, nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi tương tự như các loại hàng hóa đã được nhà nước cấp văn bằng bảo hộ làm cho người tiêu dùng dễ bị nhầm lẫn các loại sản phẩm khi mua hoặc hành vi cố tình không cấp văn bằng bảo hộ cho chủ thể đã đăng ký, gây thiệt hại cho chủ thể đó. Hành vi vi phạm sẽ chỉ cấu thành tội phạm khi người có hành vi nêu trên đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm gây hậu

quả nghiêm trọng.

Hình phạt dành cho người phạm tội quy định tại Điều 170 của Bộ luật hình sự gồm hai khung tương ứng với tính chất và mức độ của hành vi do họ gây ra. Ở khung thứ nhất, người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Ở khung thứ hai, là khung hình phạt dành cho trường hợp phạm tội có tình tiết tăng nặng như: phạm tội có tổ chức (tức là có từ hai người trở lên, giữa họ có sự bần bạc thống nhất để cùng thực hiện tội phạm, tuy nhiên có thể vai trò của mỗi người có khác nhau như người này tổ chức chỉ huy còn người kia chỉ là người thi hành, giúp sức...); phạm tội nhiều lần (là trường hợp người phạm tội đã có ít nhất hai lần thực hiện hành vi vi phạm và mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự); gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (ở đây được hiểu là các chủ thể được Nhà nước bảo hộ bị thiệt hại lớn trong kinh doanh hoặc bị mất uy tín trên thị trường, đình trệ trong hoạt động thậm chí dẫn tới phá sản...). Với một trong các tình tiết tăng nặng vừa nêu thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Ngoài những hình phạt chính thì người phạm tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm.

Nếu như Điều 170 áp dụng cho những cá nhân có thẩm quyền vi phạm các quy định về cấp văn bằng bảo hộ thì tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 171 lại dành cho tất cả các cá nhân từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực chịu trách nhiệm hình sự có hành vi sử dụng bất hợp pháp quyền sở hữu công nghiệp về những sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hoá của các chủ thể được nhà nước Việt Nam bảo hộ.

Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thể hiện ở hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt

hoặc sử dụng bất hợp pháp các quyền sở hữu công nghiệp đã được nhà nước bảo hộ (chẳng hạn sử dụng các giải pháp công nghệ đã đăng ký bảo hộ, sử dụng các loại nhãn hiệu hàng hóa, sản xuất hàng hóa có kiểu dáng như loại hàng hóa đã được nhà nước bảo hộ...). Hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp chỉ cấu thành tội phạm nếu như hành vi đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc người phạm tội đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Trên thực tế khi xử lý tội phạm tại Điều 171 cần phân biệt với hành vi của tội sản xuất và buôn bán hàng giả (quy định tại Điều 156), vì cả hai hành vi có điểm rất giống nhau là hàng hóa sản xuất ra đều có kiểu dáng nhãn hiệu giống như hàng hóa được nhà nước bảo hộ. Điểm khác phải lưu ý ở đây là, chất lượng của hàng hóa trong tội xâm hại có thể tương đương với hàng được bảo hộ (giá trị sử dụng có thể bằng hoặc thấp hơn loại hàng hóa đã được bảo hộ); còn hàng giả thì giả cả về chất lượng sản phẩm (nội dung) và giả cả về bao bì, nhãn hiệu (hình thức). Hàng giả không chỉ không có giá trị sử dụng mà có những loại khi sử dụng còn làm tổn hại về sức khỏe và thiệt hại tài sản cho người tiêu dùng (chẳng hạn dùng bột mì làm thuốc giả, sản xuất màu thực phẩm bằng các hoá chất độc hại...).

Khi biết hành vi xâm hại quyền sở hữu công nghiệp của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi mà người phạm tội vẫn cố tình thực hiện tội phạm thì phải chịu hình phạt. Hình phạt của tội này cũng gồm hai khung. Ở khung hình phạt thứ nhất, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20 triệu đến 200 triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến hai năm; khi có một trong các tình tiết tăng nặng như: phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì người phạm tội phải chịu hình phạt quy định ở khung hình phạt thứ hai là bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Điều 171 cũng quy định là người phạm tội xâm hại quyền sở hữu công

nghiệp có thể bị phạt bổ sung bằng một trong các biện pháp sau: Phạt tiền từ 10 triệu đến 100 triệu, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Như vậy, hai tội danh được phân tích ở trên có những điểm khác nhau về chủ thể vi phạm cũng như về biểu hiện của hành vi vi phạm nhưng đều là chế tài hình sự mà nhà nước sử dụng nhằm bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Với những điều luật này, việc bảo vệ được Nhà nước đảm bảo ở cả giai đoạn công nhận quyền của chủ sở hữu với các sáng tạo trí tuệ (cấp văn bằng bảo hộ) và giai đoạn các chủ sở hữu sử dụng khai thác các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp (sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa...) đã được bảo hộ của mình trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Tóm lại, việc xây dựng và đảm bảo thực hiện các quy chế pháp lý bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp là một việc làm hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay của Nhà nước, nó tạo ra sự an toàn pháp lý cho các nhà kinh doanh lương thiện đồng thời cũng góp phần vào việc thiết lập và củng cố trật tự kinh doanh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của mọi thành viên trong xã hội. Để đạt hiệu quả cao trong quá trình bảo hộ, Nhà nước sẽ phối hợp sử dụng nhiều biện pháp tác động trong các lĩnh vực khác nhau như dân sự, hành chính, hình sự... trong đó các hình phạt hình sự luôn được xem là các biện pháp nghiêm khắc nhất. Tuy vậy, để việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp thật sự có hiệu quả thì mỗi cá nhân trong xã hội cần nhận thức được đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp mà pháp luật quy định cho mình, cách thức hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp cũng như các biện pháp nhằm bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp ấy tránh khỏi sự xâm hại của các chủ thể khác. Tức là, mỗi con người chúng ta, thông qua sự hiểu biết và vận dụng pháp luật trong lĩnh vực này đã hình thành nên khả năng tự bảo hộ cho chính mình ■